

KẾ HOẠCH

**giám sát thường xuyên việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện
công tác tài chính, ngân sách; giải ngân vốn đầu tư công; thực hiện
các chương trình mục tiêu quốc gia tại các xã, phường**

Căn cứ Điều lệ Đảng;

Căn cứ Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 07/04/2026 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng;

Căn cứ Quy định số 21-QĐ/TW, ngày 11/04/2026 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng;

Căn cứ Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Căn cứ Chương trình số 15-CTr/TU, ngày 04/11/2025 của Tỉnh ủy về kiểm tra, giám sát nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch giám sát thường xuyên việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác tài chính, ngân sách; giải ngân vốn đầu tư công; thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại các xã, phường, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Chủ động nắm tình hình, giám sát thường xuyên việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác tài chính, ngân sách; giải ngân vốn đầu tư công; thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại các xã, phường trong quá trình vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

- Kịp thời nắm bắt những thuận lợi, kết quả đạt được; phát hiện mô hình hay, cách làm hiệu quả để kiến nghị nhân rộng; đồng thời phát hiện khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn, nguy cơ phát sinh vi phạm để đôn đốc, hướng dẫn hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo tháo gỡ.

- Tổng hợp tình hình, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo các giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng ngân sách, vốn đầu tư công và nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia ở cơ sở.

2. Yêu cầu

- Việc giám sát thường xuyên phải bám sát chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; bảo đảm đúng nguyên tắc, phương pháp công tác kiểm tra, giám sát của Đảng; tập trung vào trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, tổ chức đảng và thực hiện nhiệm vụ của đảng viên có liên quan.

- Nội dung giám sát phải trọng tâm, thiết thực, có số liệu, hồ sơ, tài liệu chứng minh; phản ánh khách quan, đầy đủ, đúng thực chất tình hình.

- Quá trình làm việc phải bảo đảm khoa học, chặt chẽ, không gây cản trở hoạt động bình thường của địa phương, cơ quan, đơn vị được giám sát; kịp thời trao đổi, hướng dẫn, kiến nghị xử lý những vấn đề phát sinh theo thẩm quyền.

II. NỘI DUNG, ĐỐI TƯỢNG GIÁM SÁT

1. Nội dung giám sát

Giám sát thường xuyên việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác tài chính, ngân sách; giải ngân vốn đầu tư công; thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại các xã, phường, tập trung vào các nội dung sau:

1.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, triển khai các chủ trương, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và văn bản chỉ đạo của tỉnh về tài chính, ngân sách; đầu tư công; các chương trình mục tiêu quốc gia; việc ban hành chương trình, kế hoạch, quy chế, phân công nhiệm vụ, cơ chế phối hợp tổ chức thực hiện ở cấp xã, phường.

1.2. Tác động của cơ chế quản lý, chính sách, chế độ, phân cấp, phân quyền và mô hình chính quyền địa phương 2 cấp đến việc thực hiện nhiệm vụ tài chính, ngân sách; quản lý, giải ngân vốn đầu tư công; triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia tại xã, phường.

1.3. Công tác quản lý tài chính đảng: lập, giao, chấp hành dự toán; quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí hoạt động của cấp ủy, tổ chức đảng; quản lý hồ sơ, chứng từ, sổ sách kế toán, tài sản, công khai tài chính theo quy định; khó khăn, vướng mắc (nếu có).

1.4. Công tác thu, chi ngân sách xã, phường: lập, phân bổ, điều chỉnh, tổ chức thực hiện dự toán; quản lý nguồn thu, nhiệm vụ chi; công khai ngân sách; thanh toán, quyết toán; quản lý nợ đọng, tạm ứng, chuyển nguồn, tài sản công.

1.5. Tình hình thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công: danh mục công trình, dự án; kế hoạch vốn được giao; tiến độ thanh toán, quyết toán và giải ngân kế hoạch vốn được giao; nguyên nhân chậm giải ngân, chậm tiến độ, phát sinh vướng mắc và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có).

1.6. Tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phân bổ, lồng ghép nguồn lực; lựa chọn danh mục, đối tượng, địa bàn thụ hưởng; tiến độ thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu, tiêu chí; tiến độ giải ngân, nghiệm

thu, thanh quyết toán; công khai, minh bạch, giám sát cộng đồng; khó khăn, vướng mắc, bất cập về cơ chế, quy trình, nguồn lực, năng lực tổ chức thực hiện.

2. Đối tượng giám sát

Ban Thường vụ Đảng ủy các xã, phường; các tổ chức đảng, đảng viên có liên quan đến nội dung giám sát.

III. THỜI GIAN GIÁM SÁT

Thực hiện trong tháng 6 và tháng 7 năm 2026. Lịch làm việc trực tiếp tại các xã, phường do Đoàn Giám sát thông báo cụ thể.

IV. PHƯƠNG PHÁP GIÁM SÁT

1. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy thành lập Đoàn Giám sát thường xuyên

Thành lập Đoàn Giám sát thường xuyên của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, gồm các đồng chí:

(1). Đồng chí Lã Tiến Ngọc, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy - Trưởng đoàn.

(2). Đồng chí Vũ Thị Thùy Hương, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy - Phó Trưởng đoàn.

(3). Đồng chí Nguyễn Minh Việt, Chánh Văn phòng Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy - Thành viên.

(4). Đồng chí Bùi Trung Dũng, Phó Chánh Văn phòng Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy - Thư ký.

(5). Đồng chí Hồ Mạnh Cường, Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ II, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy - Thành viên.

(6). Đồng chí Phùng Đức Minh, Chuyên viên Phòng Nghiệp vụ III, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy - Thành viên.

(7). Đồng chí Dương Phúc Kiều, Chuyên viên Phòng Nghiệp vụ II, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy - Thành viên.

(8). Đồng chí Đào Thị Đang, Kiểm tra viên Phòng Nghiệp vụ II, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy - Thành viên.

(9). Đồng chí Đặng Trung Hiếu, Kiểm tra viên Phòng Nghiệp vụ I, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy - Thành viên.

(10). Đồng chí Nguyễn Thị Hương, Chuyên viên Văn phòng Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy - Thành viên.

2. Đoàn Giám sát trực tiếp làm việc với Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường, cụ thể:

2.1. Ban Thường vụ Đảng ủy các phường: Yên Bái, Nghĩa Lộ, Cam Đường, Sa Pa.

2.2. Ban Thường vụ Đảng ủy các xã: Si Ma Cai, Bát Xát, Văn Bàn, Võ Lao, Khánh Yên, Dương Quỳ, Nậm Chày, Chiềng Ken, Minh Lương, Nậm Xé, Bảo Thắng, Bảo Hà, Trấn Yên, Mậu A, Mỏ Vàng, Lục Yên, Lâm Thượng, Hạnh Phúc, Phình Hồ, Mù Cang Chải, Tú Lệ, Yên Bình.

2.3. Thành phần làm việc

Thành phần làm việc trực tiếp của các xã, phường gồm: đại diện Thường trực, Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường; lãnh đạo HĐND, UBND xã, phường; đại diện Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy; Văn phòng Đảng ủy; các phòng chuyên môn, đơn vị, công chức phụ trách tài chính, ngân sách, kế toán, đầu tư công, chương trình mục tiêu quốc gia và các tổ chức, cá nhân có liên quan do địa phương triệu tập.

3. Đối với các xã, phường không làm việc trực tiếp, Đoàn Giám sát nghiên cứu báo cáo, hồ sơ, tài liệu do địa phương cung cấp; trường hợp cần thiết sẽ trao đổi, làm việc hoặc yêu cầu bổ sung thông tin, tài liệu để phục vụ tổng hợp, đánh giá chung.

4. Ban Thường vụ Đảng ủy các xã, phường tự rà soát, đánh giá tình hình theo các nội dung giám sát (**thời gian từ 01/7/2025 đến nay**), xây dựng và gửi báo cáo, hồ sơ, tài liệu liên quan về Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy (qua Đoàn Giám sát) trước ngày **01/7/2026**.

(Có Đề cương báo cáo và danh mục hồ sơ, tài liệu kèm theo Kế hoạch này).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thường trực Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy

Thường xuyên chỉ đạo Đoàn Giám sát, các phòng thuộc Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy triển khai Kế hoạch theo đúng nội dung, đối tượng, thời gian theo quy định, kịp thời chỉ đạo tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Đoàn Giám sát Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy

- Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai Kế hoạch này; phân công nhiệm vụ cụ thể cho thành viên; đôn đốc, hướng dẫn đối tượng giám sát chuẩn bị báo cáo, hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu.

- Tổng hợp, phân tích thông tin, số liệu; làm việc trực tiếp với địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo kế hoạch; xây dựng báo cáo kết quả giám sát thường xuyên báo cáo Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy theo quy định.

3. Các phòng thuộc Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy

Phối hợp với Đoàn Giám sát trong việc đôn đốc các địa phương thuộc địa bàn theo dõi xây dựng báo cáo, cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu; kịp thời trao đổi với Đoàn Giám sát những vấn đề phát sinh liên quan đến địa bàn, lĩnh vực phụ trách.

4. Văn phòng Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy

Tham mưu bảo đảm điều kiện cần thiết, phương tiện, kinh phí và các điều kiện phục vụ hoạt động của Đoàn Giám sát theo quy định.

5. Đề nghị Ban Thường vụ Đảng ủy các xã, phường

- Chỉ đạo tự rà soát, đánh giá tình hình; xây dựng báo cáo theo đề cương, cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan; chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, trung thực của nội dung báo cáo và tài liệu cung cấp.

- Đối với các địa phương Đoàn Giám sát trực tiếp làm việc: Đề nghị các xã, phường chủ động chuẩn bị nội dung, bố trí thành phần, thời gian, địa điểm làm việc; phân công cán bộ đầu mối phối hợp với Đoàn Giám sát; chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để đối chiếu, làm rõ khi có yêu cầu.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vấn đề mới hoặc cần điều chỉnh nội dung, phương pháp, tiến độ giám sát, Đoàn Giám sát báo cáo Thường trực Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Ủy ban Kiểm tra Trung ương (b/c),
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c),
- Vụ Địa bàn II, Cơ quan UBKT Trung ương,
- Thành viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,
- Đảng ủy, UBKT Đảng ủy các xã, phường,
- Các phòng thuộc Cơ quan UBKT Tỉnh ủy,
- Lưu Cơ quan UBKT Tỉnh ủy.

**T/M ỦY BAN KIỂM TRA
CHỦ NHIỆM**



Nguyễn Minh Toàn

ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo kết quả việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác tài chính, ngân sách; giải ngân vốn đầu tư công; thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia xã, phường.....

(từ thời điểm từ 01/7/2025 đến nay)

(kèm theo Kế hoạch số -KH/UBKTTU, ngày /6/2026 của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy)

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Nêu khái quát đặc điểm, tình hình chung về điều kiện tự nhiên, dân số, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh; hệ thống chính trị; số lượng, chất lượng cán bộ, đảng viên thuộc Đảng ủy xã, phường.

2. Tình hình số biên chế được giao của toàn xã, phường: biên chế công chức, biên chế sự nghiệp; hợp đồng khác... (khối đảng - đoàn thể, chính quyền).

3. Những thuận lợi, khó khăn; công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp của Đảng ủy xã, phường. Số lượng, trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác tài chính, kế toán, xây dựng tại xã, phường: số lượng theo yêu cầu; số hiện có bảo đảm đủ năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ; thừa thiếu.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, triển khai các chủ trương, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và văn bản chỉ đạo của tỉnh về tài chính, ngân sách; đầu tư công; các chương trình mục tiêu quốc gia; việc ban hành chương trình, kế hoạch, quy chế, phân công nhiệm vụ, cơ chế phối hợp tổ chức thực hiện ở cấp xã, phường.

2. Đánh giá tác động của cơ chế quản lý, chính sách, chế độ đến thực hiện nhiệm vụ tài chính, ngân sách của xã, phường

- Hệ thống pháp luật và các quy định liên quan; các quy định về Luật Ngân sách nhà nước (NSNN) Luật Đầu tư công; các chính sách thuế, phí, lệ phí liên quan...

- Các chính sách của nhà nước liên quan (cơ chế khoán, giao quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm....) và việc thay đổi cơ chế chính sách do Trung ương, địa phương ban hành...

- Việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương; định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026 -2030 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND, ngày 9/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Phân cấp quản lý thực hiện mua sắm tài sản công, thẩm định giá, giao nhiệm vụ đấu thầu, đặt hàng; quản lý, phân bổ vốn đầu tư, vốn sự nghiệp có tính

chất đầu tư.

- Tình hình thực hiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm...

- Khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị (nếu có).

3. Công tác quản lý tài chính Đảng

- Việc chấp hành quy định của Đảng và Nhà nước về quản lý tài chính, tài sản của Đảng; việc thu, chi tài chính đảng và công tác quản lý, thu nộp đảng phí.

- Việc quản lý và sử dụng kinh phí phục vụ đại hội đảng các cấp theo Quy định số 3041-QĐ/TW, ngày 21/8/2024 của Văn phòng Trung ương Đảng về chế độ chi tổ chức đại hội các cấp và Công văn số 15153-CV/VPTW, ngày 02/6/2025 Văn phòng Trung ương Đảng về việc hướng dẫn bổ sung một số nội dung thực hiện chế độ chi phục vụ công tác tổ chức đảng (*Chi tiết theo Phụ lục 01 gửi kèm*).

4. Công tác thu, chi tài chính, ngân sách

Công tác lập, phân bổ, điều chỉnh, tổ chức thực hiện dự toán; quản lý nguồn thu, nhiệm vụ chi; công khai ngân sách; thanh toán, quyết toán; quản lý nợ đọng, tạm ứng, chuyển nguồn, tài sản công.

4.1. Tình hình cân đối ngân sách cấp xã

Việc thực hiện quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; các khoản thu ngân sách cấp xã; định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp xã theo giai đoạn.

(*Chi tiết theo Phụ lục 02 gửi kèm*).

4.2. Thu ngân sách

- Kết quả thực hiện dự toán thu Ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn; thu ngân sách địa phương; nguyên nhân các khoản vượt dự toán hoặc không đạt dự toán; chi tiết các khoản thu bổ sung ngoài dự toán tỉnh giao đầu năm; chi tiết các khoản thu khác, thu chuyển nguồn (nếu có).

- Tình hình thực hiện dự toán thu của các đơn vị sự nghiệp; tình hình quản lý các khoản tạm thu, tạm giữ chờ xử lý, các khoản thu bán thanh lý tài sản nhà nước.

- Nêu thuận lợi và khó khăn đối với việc thực hiện dự toán thu NSNN.

(*Chi tiết theo Phụ lục 03 gửi kèm*).

4.3. Chi ngân sách thường xuyên

- Việc phân bổ giao dự toán chi kinh phí sự nghiệp (kinh phí sự nghiệp giáo dục và đào tạo; sự nghiệp kinh tế; sự nghiệp môi trường; sự nghiệp y tế, sự nghiệp khoa học....) và chi quản lý nhà nước, đảng đoàn thể....; thuyết minh nguyên nhân chủ yếu dẫn đến thực hiện (tăng, giảm) so với dự toán giao.

(*Chi tiết theo Phụ lục 04 gửi kèm*).

- Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 theo Thông tư số 87/2025/TT-BTC ngày 29/8/2025, trong đó báo cáo rõ nhu cầu so với kinh phí được cấp phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Lào Cai theo Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai (*Chi tiết theo Phụ lục 05 gửi kèm*).

- Việc sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây mới trụ sở, nhà công vụ, công trình phụ trợ (các nguồn kinh phí: chi thường xuyên, đầu tư công; sự nghiệp...).

5. Công tác giải ngân vốn đầu tư công

Việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân của các dự án chuyển tiếp và triển khai các dự án thuộc kế hoạch năm 2026; nêu rõ khó khăn vướng mắc, đề xuất, kiến nghị (nếu có).

(Chi tiết theo Phụ biểu 06 gửi kèm)

6. Tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phân bổ, lồng ghép nguồn lực; lựa chọn danh mục, đối tượng, địa bàn thụ hưởng; tiến độ thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu, tiêu chí; tiến độ giải ngân, nghiệm thu, thanh quyết toán; công khai, minh bạch, giám sát cộng đồng; khó khăn, vướng mắc, bất cập về cơ chế, quy trình, nguồn lực, năng lực tổ chức thực hiện.

- Kết quả thực hiện năm 2025: kế hoạch vốn được giao của từng chương trình; giá trị khối lượng các công trình, dự án, nhiệm vụ đã thực hiện đến hết 31/12/2025; vốn đã giải ngân, thanh quyết toán, kế hoạch vốn chưa sử dụng chuyển sang năm 2026.

- Việc xây dựng kế hoạch vốn các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 -2030 và kế hoạch vốn 2026.

(Chi tiết theo Phụ biểu 07 gửi kèm)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm
2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc
3. Nguyên nhân

IV. Đề xuất, kiến nghị

1. Với Tỉnh
2. Với Trung ương

PHỤ LỤC 01

TỔNG HỢP KINH PHÍ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2025-2030
(theo Quy định số Quy định số 3041-QĐ/TW, ngày 21/8/2024 của Văn phòng Trung ương Đảng)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức/ đơn giá (Nghìn đồng)	Nhu cầu		Dự toán giao		Quyết toán	
				Số lượng	Kinh phí sử dụng	Số lượng	Kinh phí sử dụng	Số lượng	Kinh phí sử dụng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Tổng cộng								
I	Tổng số kinh phí cấp								
II	Tổng chi								
A	ĐẠI HỘI CHI BỘ CƠ SỞ								
B	ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ XÃ, PHƯỜNG								
1	Chi bồi dưỡng các tiểu ban								
2	Chi xây dựng văn kiện								
3	Tiền ăn đại biểu chính thức								
4	Tiền ăn đại biểu khách mời								
5	Tổng kết đại hội								
6	Tiền Bồi dưỡng phục vụ								
7	Tiền ngủ đại biểu mời								
8	Văn phòng phẩm								
9	Nước uống								
10	Tuyên truyền								
	- Báo								
	- Pa nô áp phích tuyên truyền								
	- In văn kiện								
11	Thuốc								
12	Chi khác								

PHỤ LỤC 02
CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM

Đơn vị tính: Triệu đồng

PHẦN THU	Số tiền	PHẦN CHI	Số tiền
1	2	4	5
TỔNG THU		TỔNG CHI	
A. Tổng số thu cân đối ngân sách		A Tổng số chi cân đối ngân sách	
1. Các khoản thu NSX hưởng 100%		1. Chi đầu tư phát triển	
2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %		2. Chi thường xuyên	
3. Thu kết dư năm trước		3. Chi bổ sung cho cơ quan, đơn vị	
4. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang		4. Chi chuyển nguồn sang năm sau	
5. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		5. Chi trả nợ lãi, phí tiền vay	
- <i>Bổ sung cân đối ngân sách</i>			
- <i>Bổ sung có mục tiêu</i>			
B. Thu khác NS		B. Chi nộp ngân sách cấp trên	
C. Thu quản lý qua ngân sách		C. Chi quản lý qua ngân sách	
		(*) Kết dư ngân sách = (thu - chi)	

PHỤ LỤC 03
BIỂU TỔNG HỢP THU NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG NĂM

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
Tổng thu						
I. Các khoản thu 100%						
- Phí, lệ phí						
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
- Thu khác						
II. Các khoản thu chia theo tỷ lệ %						
1. Các khoản thu phân chia						
- Thuế GTGT						
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh						
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
- Tiền sử dụng đất						
- Thuế thu nhập cá nhân						
- Thuế môn bài thu từ cá nhân và hộ kinh doanh						
- Lệ phí trước bạ nhà đất						
- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
- Thuế tài nguyên						
- Phạt chậm nộp						

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định						
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu chuyển nguồn						
V. Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên						
- Bổ sung cân đối ngân sách						
- Bổ sung có mục tiêu						

Ghi chú: Chi tiết từng xã, phường

PHỤ LỤC 04

TỔNG HỢP CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG NĂM

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Dự toán năm			Quyết toán năm			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
1	2	3	4	5	6	7	8=5/2	9=6/3	10=7/4
TỔNG CHI									
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội									
- Chi quốc phòng									
- Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội									
2. Chi cho giáo dục									
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi cho y tế									
5. Chi văn hoá thông tin									
6. Chi phát thanh truyền hình									
7. Chi SN thể dục thể thao									
8. Chi bảo vệ môi trường									
9. Chi các hoạt động kinh tế									
10. Chi QLNN, đảng, đoàn thể									
Trong đó: Quỹ lương									
10.1. Quản lý Nhà nước									
10.2. Đảng Cộng sản Việt Nam									
10.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam									
10.4. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM									
10.5. Hội Liên hiệp Phụ nữ									

Nội dung	Dự toán năm			Quyết toán năm			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
10.6. Hội Cựu chiến binh									
10.7. Hội Nông dân									
cao tuổi)									
11 Chi công tác xã hội									
12. Chi khác									
13. Dự phòng									
14. Chi chuyển nguồn chuyển sang ngân sách năm sau									
.....									

Ghi chú: Chi tiết từng xã, phường

PHỤ LỤC 05

TỔNG HỢP KINH PHÍ BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÁO XVI VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2026-2031
(theo Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức/ đơn giá (Nghìn đồng)	Nhu cầu		Dự toán giao		Quyết toán		Kinh phí hủy dự toán	Ghi chú
				Số lượng	Kinh phí sử dụng	Số lượng	Kinh phí sử dụng	Số lượng	Kinh phí sử dụng		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng cộng										
1	In ấn tài liệu, ấn phẩm, vận chuyển tài liệu phục vụ bầu cử										
	In Nguyên tắc, thể lệ bầu cử; Nội quy phòng bỏ phiếu; Phù hiệu nhân viên tổ bầu cử; Biện đặt tại các bàn bầu cử; Danh sách cử tri; biên bản;...; vận chuyển tài liệu; Khánh tiết, tăng âm, loa đài tại điểm bầu cử...										
	Mua phù hiệu (Ban Chỉ đạo, UBBC, Ban Bầu cử HĐND xã)										
	In thẻ cử tri, phiếu bầu cử										
	Chi in Giấy chứng nhận để cử tri tham gia bầu cử nơi khác										
	- Chi in Biên bản tổng kết bầu cử của UBBC (Mẫu 25), Danh sách những người trúng cử của UBBC (Mẫu 26), tổng hợp kết quả bầu cử của UBBC (Mẫu 27)										
	In túi đựng hồ sơ ứng cử; tiểu sử tóm tắt, danh sách chính thức người ứng cử đại biểu HĐND xã										
2	Chi cho công tác bảo đảm an ninh, trật tự, thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn và vận động bầu cử										
3	Chi tổ chức các hội nghị (6 hội nghị):										
	Trang trí, khánh tiết										
	Tài liệu, chè nước										
	Thù lao giảng viên (hội nghị tập huấn nghiệp vụ cho các thành viên tổ bầu cử)										
	Chi chế độ cho đại biểu không hưởng lương										
4	Chi công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, giám sát hoạt động khiếu nại, tố cáo về bầu cử										
	Chi chè nước										
	Chi người được giao trực tiếp công dân 3 người x 20 buổi										
	Chi người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân 2 người x 20 buổi										

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức/ đơn giá (Nghìn đồng)	Nhu cầu		Dự toán giao		Quyết toán		Kinh phí hủy dự toán	Ghi chú
				Số lượng	Kinh phí sử dụng	Số lượng	Kinh phí sử dụng	Số lượng	Kinh phí sử dụng		
	Chi người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân 2 người x 20 buổi										
5	Chi hỗ trợ cước điện thoại di động										
	Trưởng Ban chỉ đạo, phó trưởng Ban chỉ đạo tỉnh; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBBC; Thường trực UBBC cấp xã										
	Thành viên Ban chỉ đạo, thành viên UBBC, Trưởng, phó 3 Tiểu ban; trưởng Ban Bầu cử; Toàn bộ thành viên Tổ giúp việc UBBC										
	Thành viên còn lại các tiểu ban, ban bầu cử HĐND xã										
6	Đóng mới hòm phiếu										
7	Bảng niêm yết danh sách bầu cử										
8	Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử										
	Chi bồi dưỡng ngày trước và ngày bầu cử cho các thành viên tổ bầu cử										
	Chi bồi dưỡng ngày trước và ngày bầu cử cho thành viên Ban bầu cử										
	Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBBC, Trưởng tiểu ban giúp việc UBBC										
	Thành viên UBBC, TGV, Các tiểu ban trực tiếp tham gia bầu cử										

PHỤ BIỂU 6
TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026

[illegible]

PHỤ LỤC SỐ 07
KẾT QUẢ THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Danh mục dự án, cơ quan được giao dự toán	Kế hoạch vốn năm 2025				Kết quả giải ngân, trong đó:				Kinh phí còn lại				Tỷ lệ giải ngân (%)	Chuyển nguồn			Tiến độ thực hiện dự án	Đơn vị quản lý/chủ đầu tư	Ghi chú
		Tổng số	Kế hoạch vốn NSTW		Ngân sách tỉnh	Tổng số	Kế hoạch vốn NSTW CTMTQG năm 2025		Ngân sách tỉnh	Tổng số	Kế hoạch vốn NSTW CTMTQG năm 2025		Ngân sách tỉnh		Tổng cộng	Trong đó:				
			Vốn chuyển tiếp sang 2025	Vốn phân bổ năm 2025			Vốn chuyển tiếp sang 2025	Vốn phân bổ năm 2025			Vốn chuyển tiếp sang 2025	Vốn phân bổ năm 2025				Dự dự toán	Hủy dự toán			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	Tổng																			
I	Chương trình MTQG phát triển Kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi																			
1	Dự án																			
2	Dự án																			
II	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững																			
1	Dự án																			
2	Dự án																			
III	Chương trình MTQG nông thôn mới																			